

Số: 88/2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Căn cứ Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009 (sau đây gọi tắt là “Hiệp định”);

Căn cứ Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010 (sau đây gọi tắt là “Nghị định thư”);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư về tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ hoạt động qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải người và hàng hóa bằng đường bộ qua lại biên giới giữa hai nước Việt Nam và Lào.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE

Điều 3. Quy định đối với phương tiện

1. Phương tiện được cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào là xe ô tô bao gồm: xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và phương tiện chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có Giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp. Phương tiện bao gồm phương tiện thương mại và phương tiện phi thương mại.

2. Phương tiện thương mại bao gồm:

- a) Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- b) Xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch;
- c) Xe ô tô vận tải hàng hoá;

d) Xe ô tô chuyên chở người, hàng hóa và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ phục vụ các công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (không bao gồm xe ô tô và xe máy chuyên dùng sang Lào chủ yếu phục vụ thi công công trình, thời gian phục vụ thi công trên 30 ngày và kết thúc công trình mới về nước).

3. Phương tiện phi thương mại bao gồm:

a) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đi công tác, xe ô tô cứu hỏa, xe ô tô cứu thương, xe ô tô cứu hộ, xe ô tô thực hiện sứ mệnh nhân đạo (gọi chung là xe công vụ);

b) Xe ô tô của cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe ô tô bán tải (pick-up));

c) Xe ô tô của doanh nghiệp, hợp tác xã đi công tác, tham quan, du lịch.

4. Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

Điều 4. Thời gian và phạm vi hoạt động của phương tiện

1. Mỗi chuyến đi, phương tiện được phép ở lại lãnh thổ của Bên ký kết kia không quá 30 ngày, kể từ ngày nhập cảnh. Trường hợp quá thời hạn quy định mà

có lý do chính đáng sẽ được gia hạn 01 lần với thời gian tối đa không quá 10 ngày.

2. Phạm vi hoạt động: các phương tiện được phép hoạt động tại các tỉnh, thành phố của Bên ký kết kia và qua lại các cặp cửa khẩu theo quy định tại Nghị định thư.

3. Phương tiện không được phép vận tải hàng hóa hoặc hành khách giữa hai điểm trong lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Điều 5. Quy định về giấy tờ của phương tiện

Khi lưu hành, phương tiện phải có các giấy tờ còn hiệu lực cùng bản dịch tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng quốc gia của nước đến có chứng thực (trừ trường hợp giấy tờ được in song ngữ Việt - Lào hoặc Việt - Anh, Lào - Anh) để trình các cơ quan hữu quan khi được yêu cầu, cụ thể:

1. Các giấy tờ của phương tiện bao gồm:

- a) Giấy đăng ký phương tiện;
- b) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- c) Giấy phép liên vận;
- d) Giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc đối với bên thứ ba;
- đ) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập.

2. Đối với phương tiện vận tải hành khách, ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này phải có thêm các giấy tờ sau:

a) Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định được quy định tại Phụ lục 1a của Thông tư này; đối với phương tiện vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch được quy định tại Phụ lục 1b của Thông tư này).

b) Hợp đồng vận tải hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách theo hợp đồng).

3. Đối với phương tiện vận tải hàng hoá, ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này phải có thêm các giấy tờ sau:

- a) Vận đơn;
- b) Tờ khai hải quan đối với hàng hoá;
- c) Giấy chứng nhận kiểm dịch động, thực vật.

4. Ngoài giấy phép liên vận, phương tiện vận tải chuyên chở hàng nguy hiểm, hàng có trọng tải hoặc kích thước vượt quá quy định khi vào lãnh thổ của Bên ký kết kia phải được cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó cấp giấy phép lưu hành đặc biệt theo quy định.

Điều 6. Ký hiệu phân biệt quốc gia của phương tiện

Ký hiệu phân biệt quốc gia của Lào là LAO; ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam là VN. Ký hiệu phân biệt quốc gia do cơ quan cấp phép phát hành cùng với việc cấp Giấy phép liên vận. Phương tiện của Việt Nam phải gắn ký hiệu phân biệt quốc gia ở góc phía trên bên phải của kính trước (nhìn từ trong xe).

Mẫu ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

Điều 7. Quy định đối với lái xe

Lái xe điều khiển phương tiện qua lại biên giới phải có các giấy tờ còn hiệu lực sau:

1. Giấy phép lái xe quốc gia hoặc quốc tế phù hợp với loại xe mà mình điều khiển.

2. Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và thị thực do cơ quan có thẩm quyền cấp (trừ đối tượng được miễn thị thực).

3. Trong trường hợp hộ chiếu của lái xe và Giấy đăng ký phương tiện không do cùng một Bên ký kết cấp thì phải có thêm bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên cùng bản dịch tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng quốc gia của nước đến của lái xe với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao.

Chương III

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT - LÀO

Điều 8. Đối tượng được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

Đối tượng được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào (Giấy phép) là các doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam đáp ứng yêu cầu sau:

1. Đã hoạt động vận tải trong nước từ 03 năm trở lên; không bị tuyên bố phá sản hoặc không ở trong tình trạng tuyên bố phá sản.

2. Có số lượng phương tiện phù hợp với phương án kinh doanh theo quy định.

Điều 9. Quy định về cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

1. Cơ quan cấp Giấy phép: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô);

c) Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào theo mẫu tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

3. Quy định về xử lý hồ sơ:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép cho doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở của cơ quan cấp giấy phép, qua đường bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp lệ phí cấp giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào là 05 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

6. Mẫu Giấy phép quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

7. Khi Giấy phép hết thời hạn, doanh nghiệp, hợp tác xã lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 2 của Điều này. Trường hợp Giấy phép bị mất hoặc hư hỏng doanh nghiệp, hợp tác xã lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này. Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng nộp về Tổng cục Đường bộ Việt Nam cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

Điều 10. Thu hồi Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam được thu hồi Giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Kinh doanh loại hình vận tải không đúng theo Giấy phép;

c) Khi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

2. Trình tự thu hồi Giấy phép:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành quyết định thu hồi Giấy phép và thông báo quyết định thu hồi Giấy phép đến Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp lại Giấy phép và Giấy phép liên vận Việt - Lào cho Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh, dừng toàn bộ các hoạt động kinh doanh vận tải Việt - Lào ngay khi quyết định thu hồi có hiệu lực. Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thu hồi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Chương IV

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

Điều 11. Giấy phép liên vận Việt - Lào

1. Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận Việt - Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 ngày.

2. Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp.

Riêng đối với xe công vụ, Giấy phép liên vận Việt - Lào có thể cấp theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm.

3. Mẫu Giấy phép liên vận Việt - Lào (gồm sổ Giấy phép liên vận Việt - Lào và phù hiệu liên vận) quy định tại Phụ lục 6a và Phụ lục 6b của Thông tư này.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào

1. Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào quy định tại Phụ lục 7a của Thông tư này;

b) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

c) Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

đ) Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

2. Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào quy định tại Phụ lục 7b của Thông tư này;

b) Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

d) Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

đ) Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

3. Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 của Điều này và các điểm b, c, d khoản 2 của Điều này phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Điều 13. Quy định về cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào

1. Quy định về xử lý hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan cấp phép. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp giấy phép, qua đường bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

2. Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Khi Giấy phép liên vận Việt - Lào hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này (trường hợp bị mất giấy phép phải nêu rõ lý do). Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp phép cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào.

Điều 14. Cơ quan cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho các loại phương tiện sau:

a) Phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội;

b) Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;

2. Sở Giao thông vận tải địa phương cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng còn lại đóng trên địa bàn địa phương.

3. Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào theo quy định tại Nghị định thư, ngoài việc cấp giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này còn được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

Điều 15. Thu hồi Giấy phép liên vận Việt - Lào

Cơ quan cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào được thu hồi Giấy phép đã cấp nếu các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép không thực hiện đúng các nội dung ghi trong Giấy phép hoặc vi phạm các quy định về quản lý hoạt động vận tải. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho cơ quan cấp giấy phép.

Điều 16. Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

1. Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn,

hông không sửa chữa kịp) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn.

2. Thẩm quyền gia hạn: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện gặp sự cố.

3. Hồ sơ gia hạn bao gồm: Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính); Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại Phụ lục 8 của Thông tư này.

4. Quy định về xử lý hồ sơ

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện gặp sự cố;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện của Lào, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong Giấy phép liên vận Lào - Việt; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH VIỆT - LÀO

Điều 17. Đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ điều kiện về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào.

2. Hồ sơ đăng ký khai thác tuyến bao gồm:

a) Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

d) Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này;

đ) Biên bản khảo sát tuyển và hợp đồng đối tác đối với những tuyển đề nghị mở mới hoặc hợp đồng đối tác đối với các tuyển đã mở giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào.

3. Quy định về xử lý hồ sơ:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan quản lý tuyển. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Thông tư này, cơ quan quản lý tuyển thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan quản lý tuyển ra văn bản chấp thuận khai thác tuyển. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý tuyển, qua đường bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

4. Văn bản chấp thuận khai thác tuyển có giá trị kể từ ngày ký và có thời hạn hiệu lực theo hiệu lực của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào. Sau 60 ngày, kể từ ngày ban hành văn bản chấp thuận, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện đưa phương tiện vào khai thác thì văn bản chấp thuận không còn hiệu lực. Văn bản chấp thuận khai thác tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Thông tư này.

5. Tuyển vận tải hành khách tuyển cố định liên vận Việt - Lào phải xuất phát và kết thúc (trên lãnh thổ Việt Nam) tại bến xe khách từ loại 01 đến loại 04 hoặc bến xe loại 05 thuộc địa bàn huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

6. Phương tiện khai thác tuyển vận tải hành khách tuyển cố định Việt - Lào phải có lệnh vận chuyển. Lệnh vận chuyển cấp cho từng chuyến xe lượt đi và lượt về (trường hợp chuyến xe thực hiện trong nhiều ngày), cấp hàng ngày (trường hợp trong ngày thực hiện nhiều chuyến). Lệnh vận chuyển do doanh nghiệp, hợp tác xã tự in theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 của Thông tư này. Lệnh vận chuyển phải được đánh số thứ tự theo năm để quản lý.

7. Đơn vị vận tải hành khách tuyển cố định Việt - Lào phải đăng ký và thực hiện mức chất lượng dịch vụ vận tải hành khách theo quy định.

8. Cơ quan quản lý tuyển vận tải hành khách tuyển cố định Việt - Lào: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 18. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động trên tuyến được quyền bổ sung, thay thế phương tiện.

2. Hồ sơ đăng ký bổ sung phương tiện theo quy định tại các điểm a, b, d khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

3. Hồ sơ đăng ký thay thế phương tiện theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

4. Trình tự xử lý hồ sơ, hiệu lực của văn bản bổ sung, thay thế phương tiện, lệnh vận chuyển và cơ quan chấp thuận thay thế, bổ sung phương tiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 7, 8 Điều 17 của Thông tư này. Văn bản chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 của Thông tư này.

Điều 19. Ngừng khai thác tuyến, điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào

1. Ngừng khai thác tuyến.

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác trên tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào khi không có nhu cầu khai thác trên tuyến phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này cho cơ quan quản lý tuyến trước 15 ngày.

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan quản lý tuyến ra văn bản chấp thuận ngừng khai thác tuyến theo mẫu tại Phụ lục 15 của Thông tư này và thông báo công khai để các doanh nghiệp, hợp tác xã khác đăng ký khai thác.

c) Sau thời điểm ngừng khai thác 05 ngày làm việc, doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại chấp thuận khai thác tuyến, Ký hiệu phân biệt quốc gia, giấy phép liên vận của các xe ngừng khai thác trên tuyến cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

2. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến

a) Trước khi thực hiện điều chỉnh tần suất chạy trên tuyến ít nhất 10 ngày, doanh nghiệp, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này cho cơ quan quản lý tuyến;

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan quản lý tuyến ra văn bản chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 của Thông tư này;

c) Trước khi thực hiện việc điều chỉnh tần suất chạy xe ít nhất 03 ngày, bên xe có trách nhiệm thông báo công khai tại bến;

d) Trường hợp xe ô tô ngừng khai thác trên tuyến, chậm nhất 05 ngày làm việc, doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại Ký hiệu phân biệt quốc gia, Giấy phép

liên vận của xe ngừng khai thác trên tuyến cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Chế độ báo cáo

Định kỳ ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 07 hàng năm, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải Việt - Lào phải báo cáo tình hình hoạt động vận tải Việt - Lào của đơn vị gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương. Mẫu báo cáo kết quả hoạt động vận tải hành khách theo quy định tại Phụ lục 18 của Thông tư này, mẫu báo cáo kết quả hoạt động vận tải hàng hóa theo quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam

a) Tổ chức quản lý và hướng dẫn hoạt động đối với các phương tiện qua lại biên giới đường bộ giữa Việt Nam và Lào;

b) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra và xử lý phương tiện thương mại và phi thương mại của Việt Nam và Lào hoạt động qua lại biên giới giữa hai nước;

c) Xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện phần mềm quản lý hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào;

d) Chủ trì tổ chức hội nghị thường niên với Cục Vận tải Lào để trao đổi, giải quyết các vấn đề có liên quan đến vận tải đường bộ giữa hai nước;

đ) In và phát hành ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam, Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào, Giấy phép liên vận Việt - Lào, danh sách hành khách.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này tới các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn;

b) Định kỳ hàng năm báo cáo về Tổng cục Đường bộ Việt Nam tình hình tổ chức và quản lý hoạt động vận tải liên vận Việt - Lào để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, tổ chức, cá nhân liên hệ với Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được hướng dẫn, giải

quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết, Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải để chỉ đạo thực hiện.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 05 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 23;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, HTQT.

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng

Phụ lục 1a. Mẫu Danh sách hành khách tuyến cố định

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH (PASSENGER LIST)

(Sử dụng cho xe vận tải hành khách theo tuyến cố định tạm xuất-tái nhập
(For temporary export and re-import vehicle on scheduled passenger transport))

Số(No.):

Số đăng ký phương tiện(Registration No.):.....

Tên Công ty (Name of company):.....

Địa chỉ (Address):.....

Số điện thoại(Tel No.):, Số fax/Fax No.:.....

Tuyến vận tải(Route): từ (from)..... đến(to)..... và ngược lại (and vice versa).

Bến đi(Departure terminal):.....; Bến đến(Arrival terminal):.....

Giờ khởi hành từ bến đi(Departure time):....., ngày(date)...../...../ 20.....

1. Danh sách hành khách khởi hành từ bến xe(Passengers departing from the terminal):

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(3)
1			17			33			
2			18			34			
3			19			35			
4			20			36			
5			21			37			
6			22			38			
7			23			39			
8			24			40			
9			25			41			
10			26			42			
11			27			43			
12			28			44			
13			29			45			
14			30			46			
15			31			47			
16			32			48			

Tổng cộng số hành khách khởi hành từ bến xe: người
(Total passengers departing from the terminal) (persons)

Xác nhận của Bến xe/ Terminal
(Ký, đóng dấu /Signature and seal)
Ngày(date)/..... / 20.....

2. Danh sách hành khách mua vé dọc đường do lái xe khai báo(Other passengers declared by driver):

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(3)
1			6			11			
2			7			12			
3			8			13			
4			9			14			
5			10			15			

Tổng cộng khách chặng: người
(Total of stage passengers)....(Persons)

Lái xe ký tên xác nhận số lượng khách:
(Name of Driver and signature)

(Ghi chú: Danh sách này gồm 4 liên: Liên 1 (gốc) giao cơ quan Hải quan cửa khẩu; Liên 2 giao Chủ phương tiện; Liên 3 giao Bến xe; Liên 4 giao Biên phòng cửa khẩu)/(Note: List of passenger includes 04 copies: 01 copy for customs; 01 copy for carrier; 01 copy for the terminal; 01 copy for borderguard officer)/.

Phụ lục 1b. Mẫu Danh sách hành khách hợp đồng, du lịch

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH (PASSENGER LIST)

(Sử dụng cho phương tiện vận tải khách du lịch và theo hợp đồng tạm xuất-tái nhập)
(For temporary export and re-import vehicle on tourist and non-scheduled passenger transport)

Số (No.):

Số đăng ký phương tiện (Registration number):.....

Tên người vận chuyển (Carrier name):.....

Địa chỉ (Address):.....

Số điện thoại (Tel No.):; Số Fax/Fax No.:

Phạm vi hoạt động của chuyến đi (Route of itinerary) :.....

Thời hạn chuyến đi (Duration of the journey):..... ngày (date)

Từ ngày (From date)..... / / 20..... đến ngày (to date)..... / / 20.....

Danh sách hành khách (Passenger list):

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số Hộ chiếu (Passport No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số Hộ chiếu (Passport No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số Hộ chiếu (Passport No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)
1			19			37
2			20			38
3			21			39
4			22			40
5			23			41
6			24			42
7			25			43
8			26			44
9			27			45
10			28			46
11			29			47
12			30			48
13			31			49
14			32			50
15			33			51
16			34			52
17			35			53
18			36			54

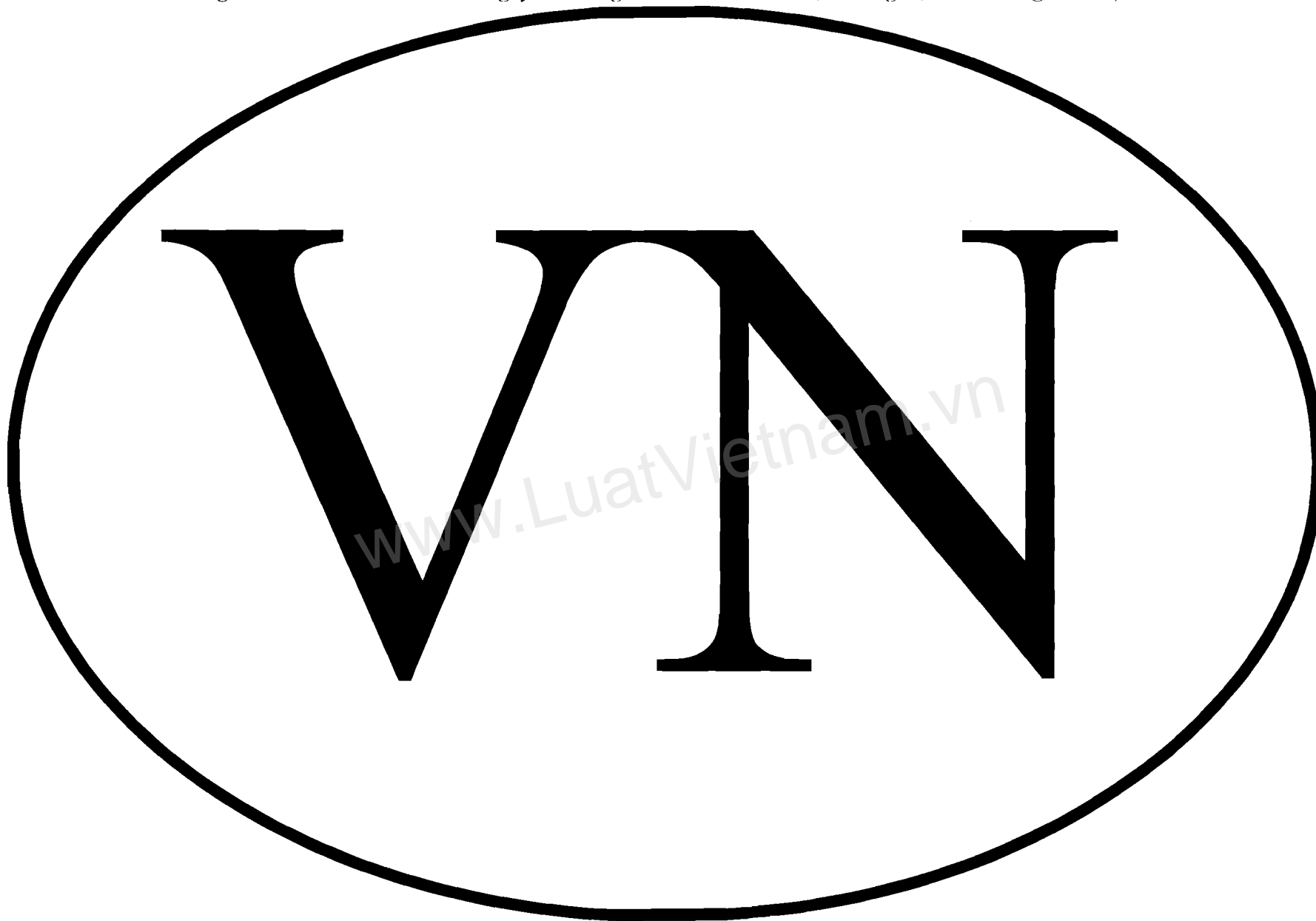
Tổng cộng số hành khách: người
(Total passengers departing from the terminal)..... (persons)

Xác nhận của người vận tải /Carrier
(Ký tên, đóng dấu/Signature, seal):
Ngày(Date)/...../ 20.....

(Ghi chú: Danh sách này gồm 3 liên: Liên 1 (gốc) giao cho cơ quan Hải quan cửa khẩu; Liên 2 giao cho Chủ phương tiện; Liên 3 giao cho Biên phòng cửa khẩu)/(Note: list of passenger includes 03 copies: 01 copy for customs; 01 copy for carrier; 01 copy for borderguard officer)/.

Phụ lục 2. Ký hiệu phân biệt quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Ghi chú: Chữ hoa Latinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình elíp với trục chính nằm ngang.

Phụ lục 3. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
Đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT - LÀO

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp, HTX:
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại: Số Fax:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số: Ngày cấp: Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào như sau:
 - Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):.....
.....
.....
.....
.....
 - Loại hình đề nghị cấp (cấp mới, cấp lại. Trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, đề nghị nêu rõ lý do):
.....
.....

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4. Mẫu phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT - LÀO

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã:

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. Phương án kinh doanh vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
 - a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định.
 - Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có gờng năm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
 - b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

Phụ lục 5. Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT - LÀO
VIET - LAOS INTERNATIONAL ROAD TRANSPORT LICENCE

Số Giấy phép (Licence No.):

Đăng ký lần đầu (First Registration) date: month year 20

1. Tên công ty (Name of company):

2. Địa chỉ (Address):.....

Điện thoại (Tel): Fax:

Email: Website:.....

3. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport services):

4. Giấy phép có hiệu lực đến (This licence is valid until): Ngàytháng.....năm.....

Date monthYear.....

..... , ngày.....tháng.....năm.....


....., issuing date month year

Cơ quan cấp phép (Issuing Authority)

(Ký tên, đóng dấu/Signature, seal)

Phụ lục 6a. Mẫu Giấy phép liên vận Việt - Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
VIỆT - LÀO**

**VIETNAM - LAOS
CROSS- BORDER TRANSPORT
PERMIT**

**Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of VietNam**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện vận tải đường bộ này đi lại dễ dàng
và hỗ trợ hoặc bảo vệ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests all those whom it may concern to
allow the vehicle to pass freely and afford the
vehicle any such assistance and protection as
may be necessary**

Mặt sau bìa trước/ Back side

Thông tin cơ bản về phương tiện
Basic data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện :
(Registration number)

2. Một số thông số kỹ thuật:
(Technical data)

- Năm sản xuất:.....
(Manufactured year)

- Nhãn hiệu (Mark) :.....

- Loại xe (Model) :.....

Xe tải (Truck) Xe khách (Bus) Xe khác (Other)

- Màu sơn :.....
(Colour)

- Số máy :.....
(Engine No.)

- Số khung :.....
(Chassis No.)

Trang 1

Chi tiết về người khai thác vận tải
Status of Transport operator

Tên đơn vị/người khai thác (Company/Operator):
.....

Địa chỉ (Address):
.....

Tel:.....Fax:.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....

Số Giấy phép (Licence No.) :.....
Ngày hết hạn (Date of expiry) :.....

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

Giấy phép này có giá trị
This permit is valid
Từ ngày: From date.... month..... year
Đến ngày: To date.... month..... year

Cửa khẩu, vùng hoạt động, nơi đến
Border gate, Traveling area, Destinatinon
Cửa khẩu (Border gate):.....
.....
.....

Vùng hoạt động (Traveling area):.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):.....
.....
.....

Ngày cấp (Date of issue):.....

Issuing Authority
(Signature, seal)

Trang 3

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày tháng ... năm

This trip is extended until to date month year

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....
Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, seal)

Ghi chú (Notices):.....
.....
.....

Trang 4

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date



Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ này bao gồm 50 trang cần phải được giữ sạch sẽ.
This book, containing 50 pages excluding covers, should be kept as clean as possible.
2. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this book gets lost or unreadable for any reasons as it may occur, the holder should request the new one at the issuing office
3. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This book shall be produced to the competent authorities upon request
4. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, thay đổi các điều khoản đã ghi trong sổ này.
It is prohibited to erase, modify, or falsify any terms specified in this book
5. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This book shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expired date.

Ghi chú (note):

Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.
Page size 11 cm x 15 cm.

Bìa màu đỏ (Red) dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.
Red cover used for all vehicles.

Phụ lục 6b. Mẫu phù hiệu liên vận Việt - Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Số (No.):

CROSS-BORDER TRANSPORT VIET NAM – LAOS

Đơn vị/người khai thác (Company/Operator).....

Biển đăng ký (Registration No.):.....

Giấy phép có giá trị đến (Valid Until):.....

Cơ quan cấp phép/Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu/Signature, seal)

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

Phụ lục 7a. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện kinh doanh vận tải
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
 đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN
KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp, HTX:.....
- Địa chỉ :
- Số điện thoại:.....Số Fax:
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyên hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hoá :

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyên hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bến đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày

....., ngày tháng năm

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7b. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhân hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ :

b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác :

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
hoặc cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 8. Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận cho xe của Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Lào
Company/Individual name
applying for extension of Laos – Viet Nam Cross-border Transport Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT
APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....
2. Địa chỉ: *(Address)*
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*:
- Ngày cấp *(Date of issue)* Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*.....
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:
 - Giấy phép liên vận Lào - Việt số: Ngày cấp ... Nơi cấp: Có giá trị đến:
 - Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:...Date of issue.....Issuing Authority...Date of expiry.....*
 - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày tháng năm
 - Date of entry into Viet Nam: month year*
 - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):
Proposed extended duration (choose one of the two following options):
 - + Gia hạn Giấy phép liên vận:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
 - Extension for:days, from date month yearto datemonth year*
 - + Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm
 - Extension for Journey : days, from date ... month ... year ... to datemonth ... year ...*
5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:.....
.....
.....

6. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam*).

....., ngày (*date*).....tháng (*month*).....năm (*year*)....

Đại diện đơn vị (*Representative of the Company*)

Ký tên/Signature

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

Phụ lục 9. Mẫu giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
....., ngày.... tháng....năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC
TUYÊN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt – Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
5. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào như sau:
Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình chạy xe:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết :

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 10. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
TUYẾN CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/ tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành :km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường :.....phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe :.....đến Bến xe :.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba :.....

b) Lượt về từ Bến xe :.....đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba :.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từđến.....phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng :

b) Điều kiện của lái xe :

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến :.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.
- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/HK.

Giá vé	đồng/HK
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/HK

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11. Mẫu chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

Số /TCĐBVN-VT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

**CHẤP THUẬN
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH BẰNG
XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

**Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe**

Kính gửi:

Tổng cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày ... thángnăm... và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp (hợp tác xã)..... về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều Thông tư số.../2014/TT-BGTVT ngày .../.../2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số Điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào, Tổng cục ĐBVN thông báo như sau:

Chấp thuận cho phép doanh nghiệp (hợp tác xã)... được khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe(tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

Số xe tham gia khai thác:

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản chấp thuận không còn hiệu lực.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam trân trọng đề nghị Cục Vận tải Lào và Sở Công chính và Vận tải bố trí cho phương tiện theo danh sách nêu trên của doanh nghiệp (hợp tác xã)..... được hoạt động tại Bến xe (tỉnh - CHDCND Lào).

Tổng cục Đường bộ Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp (hợp tác xã)..... tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Vận tải Lào;
- Sở GTVT liên quan;
- Bến xe hai đầu tuyến;
- Lưu:

Đại diện Tổng cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 12. Mẫu Lệnh vận chuyển dùng cho xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Điện thoại:.....

Số:...../20..../LVC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

LỆNH VẬN CHUYỂN

Dùng cho xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định giữa Việt Nam và Lào

Có giá trị từ ngày đến ngày

Cấp cho Lái xe 1:..... hạng GPLX:..... Lái xe 2:.....hạng GPLX:..... Nhân viên phục vụ trên xe:.....				Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu)
Biển số đăng ký:..... số ghế theo ĐK:..... Loại xe:..... Bến đi, bến đến:..... Hành trình tuyến:.....				Cán bộ kiểm tra kiểm tra xe
Lượt xe thực hiện	Bến xe đi, đến	Giờ xe chạy	Số khách	Bến xe (Ký tên, đóng dấu)
Lượt đi	Bến xe đi:.....	xuất bến giờ...ngày.....		
	Bến xe nơi đến:	đến bến giờ...ngày...		
Lượt về	Bến xe đi:.....	xuất bến.... giờ...ngày...		
	Bến xe nơi đến:	đến bến.... giờ...ngày...		
LÁI XE 1 (Ký và ghi rõ họ tên)		LÁI XE 2 (Ký và ghi rõ họ tên)		NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE (Ký và ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu.
- Trên một tờ Lệnh vận chuyển chỉ được phép bố trí tối đa 4 lượt đi và 4 lượt về.
- Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

Phụ lục 13. Mẫu chấp thuận bổ sung (thay thế) phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /TCĐBVN-VT

Hà Nội, ngày tháng năm

**CHẤP THUẬN
BỔ SUNG (THAY THẾ) PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
TUYẾN CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

Tổng cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày ... thángnăm... và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp (hợp tác xã)..... về việc đăng ký bổ sung (thay thế) phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Chấp thuận cho phép doanh nghiệp (hợp tác xã)..... được bổ sung (thay thế) phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe(tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

Số xe bổ sung (thay thế):

Số xe ngừng khai thác: (đối với trường hợp thay thế phương tiện)

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung (thay thế): 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản chấp thuận không còn hiệu lực.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam trân trọng đề nghị Cục Vận tải Lào bố trí cho phương tiện của doanh nghiệp (hợp tác xã) được hoạt động tại Bến xe (tỉnh, nước CHDCND Lào).

Tổng cục Đường bộ Việt Nam đề nghị Sở Giao thông vận tải..... chỉ đạo Bến xe ký hợp đồng khai thác với phương tiện của doanh nghiệp (hợp tác xã) theo danh sách đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận ở trên.

Yêu cầu doanh nghiệp (hợp tác xã)..... tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Vận tải Lào;
- Sở GTVT liên quan;
- Bến xe hai đầu tuyến;
- Lưu:

Đại diện Tổng cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 14. Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp, HTX:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt – Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
5. Kể từ ngày...../...../.....doanh nghiệp (HTX)sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định giữa Việt Nam và Lào.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GTVT liên quan;
- Bến xe hai đầu tuyến;
- Lưu:

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 15. Mẫu chấp thuận ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /TCĐBVN-VT

....., ngày tháng..... năm

**CHẤP THUẬN
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH
BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:(tên doanh nghiệp, HTX gửi hồ sơ đăng ký).....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào:

Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận cho doanh nghiệp, HTX ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến:đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh (TP)(tỉnh đi).....).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh (TP).....(tỉnh đến)....).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Vận tải Lào;
- Sở GTVT liên quan;
- Bến xe hai đầu tuyến;
- Lưu:

Đại diện Tổng cục Đường bộ Việt Nam
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 16. Mẫu giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: /.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp (HTX):.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt – Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
5. Kể từ ngày...../...../....., doanh nghiệp (HTX).....sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/ giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 17. Mẫu văn bản chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /TCĐBVN-VT

....., ngày tháng..... năm

**CHẤP THUẬN
TĂNG/ GIẢM TẦN XUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận cho doanh nghiệp, HTX tăng/giảm tần xuất chạy xe tuyến vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến:đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng /giảm khai thác trên tuyến:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Vận tải Lào;
- Sở GTVT liên quan;
- Bến xe hai đầu tuyến;
- Lưu;

Đại diện Tổng cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 18. Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hành khách giữa Việt Nam và Lào
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG BỘ VIỆT - LÀO
(Thời gian từ đến))

Kính gửi:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax:
4. Địa chỉ Email.....
5. Kết quả hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số tuyến tham gia khai thác	Tuyến		
2	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
3	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
4	Sản lượng khách vận chuyển	Hành khách		

6. Kết quả hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng hoặc bằng xe du lịch giữa Việt Nam và Lào

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
2	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
3	Sản lượng khách vận chuyển	Hành khách		

7. Đề xuất, kiến nghị:

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 19. Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hàng hóa giữa Việt Nam và Lào
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA ĐƯỜNG BỘ VIỆT – LÀO
(Thời gian từ đến))

Kính gửi:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, HTX:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
4. Địa chỉ Email
5. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ giữa hai nước Việt - Lào

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
2	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
3	Sản lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn		

3. Đề xuất, kiến nghị.....
.....
.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 20. Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Sở GTVT.....

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - LÀO NĂM**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Sở Giao thông vận tải..... báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ Việt - Lào trên địa bàn năm như sau:

1. Kết quả hoạt động vận tải đường bộ giữa hai nước Việt - Lào

a) Kết quả hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Lào

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số đơn vị vận tải tham gia khai thác	Đơn vị		
2	Số tuyến tham gia khai thác	Tuyến		
3	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
4	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
5	Sản lượng khách vận chuyển	Hành khách		
6	Số lượng cấp Giấy phép liên vận	Giấy phép		

b) Kết quả hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng hoặc bằng xe du lịch giữa Việt Nam và Lào

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số đơn vị vận tải tham gia khai thác	Đơn vị		
2	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
3	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
4	Sản lượng khách vận chuyển	Hành khách		
5	Số lượng cấp Giấy phép liên vận	Giấy phép		

c) Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ giữa hai nước Việt - Lào

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số đơn vị vận tải tham gia khai thác	Đơn vị		
2	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
3	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
4	Sản lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn		
5	Số lượng cấp Giấy phép liên vận	Giấy phép		

2. Kết quả cấp Giấy phép liên vận phi thương mại

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp giấy phép	Đơn vị		
2	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
3	Số lượng cấp Giấy phép liên vận	Giấy phép		

3. Những khó khăn, vướng mắc (nếu có), kiến nghị đề xuất liên quan đến việc thực hiện Hiệp định để tạo thuận lợi cho hoạt động liên vận Việt - Lào

.....

.....

.....

.....

.....

Lãnh đạo Sở GTVT

(Ký tên, đóng dấu)